

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 10 - 2019
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn.

2. Ông Vũ Tiến Thịnh.

T ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh, T ký Tòa án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên
tòa:* Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 03/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/QĐST - HNGĐ ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu T ởng trú: Số 03/7, ngõ 446, đường N tổ 33, phường L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Phòng 310, chung cư Petro Thăng Long, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Lưu Trung S, sinh năm 1981

Đăng ký hộ khẩu T ởng trú và cư trú: Số 03/7, ngõ 446, đường N tổ 33, phường L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày và có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Lưu Trung S kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L , thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/02/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S chơi bời liên quan đến tệ nạn xã hội nên không có điều kiện kinh tế để phụ giúp chị, vợ chồng không chia sẻ trách nhiệm gia đình dẫn đến chị bị áp lực về tinh thần. Mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2016 chị và anh S đã sống ly thân mặc dù vẫn sống chung một nhà. Đến tháng 3 năm 2019 chị và con đã chuyển ra sống riêng tại khu chung cư Petro Thăng Long, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình. Đến nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh S không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khó hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Trung S.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lưu Trung S có 01 con chung là cháu Lưu Thảo L , sinh ngày 10/6/2014. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lưu Trung S đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt hợp lệ các giấy báo để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh S không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không trình bày ý kiến.

Kết quả xác minh tại tổ 33, phường L thể hiện: Chị Đỗ Thị T và anh Lưu Trung S đều đăng ký hộ khẩu T ởng trú tại số nhà 03/7, ngõ 446, đường N phường L , thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Anh S và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L , thành phố Thái Bình, sau khi kết hôn anh chị ở cùng bố mẹ anh S ở địa chỉ trên. Hiện nay anh S thường xuyên sinh sống tại địa phương còn chị T không sống tại tổ 33, phường L , thành phố Thái Bình nữa mà đã chuyển ra khu chung cư Petro Thăng Long, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình.

Ông Lưu Hoàng H và bà Phạm Thị C (là bố mẹ anh Lưu Trung S) trình bày: Chị Đỗ Thị T và anh Lưu Trung S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L vào ngày 08/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ổn định đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh S không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định nên kinh tế của vợ chồng khó khăn. Từ tháng 3/2019 chị T chuyển ra khu Petro Thăng Long, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, sống ly thân với anh S. Nay chị T xin ly hôn anh S, ông bà mong muốn anh chị đoàn tụ nhưng nếu chị T vẫn quyết tâm thì ông bà cũng đồng ý cho anh S, chị T ly hôn. Chị T và anh S có một con chung là cháu

Lưu Thảo L, sinh ngày 10/6/2014, hiện cháu L đang ở cùng chị T. Nếu anh chị ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi con thì gia đình cũng đồng ý, tuy nhiên hiện nay anh S không có việc làm và thu nhập ổn định nên không có điều kiện cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung vợ chồng: anh S, chị T tự giải quyết, ông bà không có ý kiến hay đề nghị gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng là tự từ bỏ quyền của mình do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt các đương sự. Xét hôn nhân của chị T và anh S là hợp pháp, mâu thuẫn là có thật và đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Lưu Trung S, giao con chung Lưu Thảo L, sinh ngày 10/6/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng cho con, không giải quyết tài sản chung vợ chồng trong vụ án này. Về án phí: áp dụng Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để các đương sự thực hiện quyền của mình nhưng bị đơn là anh Lưu Trung S đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung: Chị Đỗ Thị T và anh Lưu Trung S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2011 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh S không chia sẻ trách nhiệm gia đình cùng chị T, kinh tế khó khăn. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị T và anh S đã sống ly thân, từ

tháng 3 năm 2019 chị T đã chuyển ra sống riêng không ở cùng anh S nữa. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh S là có thật và đã ở mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Lưu Trung S.

[3]. Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Lưu Trung S có 01 con chung là cháu Lưu Thảo L, sinh ngày 10/6/2014. Hiện nay cháu Linh đang ở cùng chị T. Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Xét cháu L là con gái, lại còn nhỏ nên giao cháu cho chị mẹ nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng cho con: Do anh S không có việc làm và thu nhập ổn định nên tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con, do vậy không buộc anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh S không trình bày ý kiến và không có yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Lưu Trung S.
2. Về con chung: Giao con Lưu Thảo L, sinh ngày 10/6/2014 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lưu Trung S không phải cấp dưỡng cho con.

Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh S, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án

dân sự thành phố Thái Bình, biên lai thu số 0009990 ngày 28 tháng 8 năm 2019 sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T và anh Lưu Trung S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- UBND phường L , TP Thái Bình (Số 18/08.02.2011)
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

